

Bản án số: 116/2025/HS-ST  
Ngày: 15-9-2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.

*- Thẩm phán* Bà Đinh Thị Như Phượng.

*- Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hồng Vân.

Bà Huỳnh Thị Kim Xuyên.

Ông Huỳnh Kính .

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường – Thư ký TAND tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hoàng-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 06 năm 2025. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2025/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. *Võ Thị Kiều L*, sinh năm 1982 tại Bình Định (nay là Gia Lai); nơi cư trú: 2 N, phường T, TP ., tỉnh Bình Định ( nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); nơi ở hiện tại: Căn hộ C Chung cư X, phường Q, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Đình H, sinh năm 1952; con bà: Đinh Thị Thu H1, sinh năm 1953; chồng con: Phạm Văn Đ, sinh năm: 1978; con: 02 người, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 04/5/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh G; có mặt.

2. *Phạm Văn Đ*, S năm 1978 tại Bình Định(nay là Gia Lai); nơi cư trú: I L, phường L, TP ., tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); nơi ở hiện tại: Căn hộ C Chung cư X, phường Q, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Bộ đội nghỉ hưu; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Hữu A, sinh năm 1951 (chết); con bà: Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1954; vợ con: Võ Thị Kiều L, sinh năm: 1982; con: 02 người, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/11/2024 đến nay; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Kiều L:* Luật sư Nguyễn Thanh B, hoạt động tại Công ty L1; địa chỉ: Số F đường N, phường Q, tỉnh Gia Lai, thuộc đoàn luật sư tỉnh G; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ:* Luật sư Nguyễn Thê V, hoạt động tại Công ty L2; địa chỉ: Số E đường H, phường Q, tỉnh Gia Lai, thuộc đoàn luật sư tỉnh G; có mặt.

*2. Bị hại:*

2.1. Bà Ban Gia Q, sinh năm 1963; địa chỉ: Số H đường T, phường Q, tỉnh Gia Lai; có mặt.

2.2. Ông Phan Xuân H2, sinh năm 1960; địa chỉ: Số H đường T, phường Q, tỉnh Gia Lai; có mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Phan Minh V1; sinh năm 1990; địa chỉ: Số H đường T, phường Q, tỉnh Gia Lai; có mặt.

3.2. Chị Phan Thị Hồng T1, sinh năm 1991; địa chỉ: B L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

*4. Người làm chứng:*

4.1. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1971; địa chỉ: H T, phường Q, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

4.2. Ông Nguyễn Thái D, sinh năm 1973; địa chỉ: A T, phường Q, tỉnh Gia Lai; có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Thị Kiều L là giáo viên của Trường THCS L3, phường Q, từ năm 2015 bị cáo vay mượn tiền để mua bán đất đai. Do việc mua bán đất đai bị thua lỗ nên đến cuối năm 2018 bị cáo nợ tiền vay của nhiều người và Ngân hàng với số tiền khoảng 5.000.000.000 đồng, trong khi thu nhập hàng tháng của bị cáo và chồng là Phạm Văn Đ thì không có khả năng trả tiền gốc và lãi. Nhưng để duy trì công việc làm ăn và không để người khác biết về tình trạng mất khả năng thanh toán của mình nên bị cáo vay tiền của người sau để trả cho người vay trước dẫn đến số tiền nợ ngày càng lớn.

Ngôi nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 62, diện tích 87,8 m<sup>2</sup> tọa lạc tại số H T, TP ., tỉnh Bình Định được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 370103486 ngày 02/5/2003 (viết tắt là Giấy chứng nhận) cho ông Đoàn Xuân H3 và bà Đoàn Thị H4. Ngày 18/01/2016, ông Đoàn Xuân H3 và Đoàn Thị H4 chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất thửa đất trên cho chị Phan Thị Hồng T1 (Sinh năm:

1991, trú tại: C L, phường Q), nhưng thực chất người nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị S1 (mẹ ruột chị T1) nhờ chị T1 đứng tên hộ trên Giấy chứng nhận. Đến ngày 02/02/2016, chị T1 thế chấp ngôi nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số H T, TP . cho Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh B1, (viết tắt là Ngân hàng) để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH S2 & TM G. Cuối năm 2020, bị cáo thỏa thuận với bà S1 và chị T1 về việc mua bán ngôi nhà số H T, theo đó bị cáo sẽ trả hết khoản tiền nợ do thế chấp ngôi nhà số H T cho Ngân hàng (cả gốc và lãi khoảng hơn 5.000.000.000 đồng) thì bà S1 và T1 sẽ rút giấy tờ của ngôi nhà này ra sang tên cho L. Tuy nhiên, từ khi các bên thỏa thuận việc mua bán đến ngày 20/11/2021 khi Ngân hàng xử lý xong tài sản thế chấp là ngôi nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số H T, TP . để thu hồi nợ thì bị cáo không có bất kỳ hoạt động đặt cọc hoặc đưa tiền cho chị T1 hay bà S1 để thực hiện việc tắt toán khoản vay cho Ngân hàng, nên việc mua bán ngôi nhà này không diễn ra.

Còn bà Ban Gia Q có nhu cầu mua lại ngôi nhà số H T để mở rộng khu vực kinh doanh và thông qua ông Nguyễn Thái D thì bà Q biết bị cáo là người rao bán ngôi nhà số H T. Vào ngày 10/12/2021, bị cáo gặp bà Q tại nhà của ông D thì bị cáo nói cho bà Q biết Giấy chứng nhận của ngôi nhà số H T đang thế chấp vay tại Ngân hàng, đồng thời bị cáo đưa bà Q xem bản photo Giấy chứng nhận, hợp đồng đặt cọc mua bán ngôi nhà nhưng không có chữ ký giữa bị cáo và chị T1, thống nhất giá mua bán ngôi nhà là 6.000.000.000 đồng, rồi bị cáo viết giấy nhận tiền với nội dung “Bà Q đặt cọc cho bị cáo 06 cây vàng SJC để mua lại ngôi nhà số H, thời hạn cọc là 03 tháng, nếu hết thời hạn mà bị cáo không chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngôi nhà số H cho bà Q tại tổ chức hành nghề công chứng có thẩm quyền thì bị cáo sẽ bồi thường cho bà Q 09 cây vàng SJC”. Hết thời hạn đặt cọc (ngày 10/3/2022) nhưng bị cáo không thực đúng thỏa thuận, cũng như không trả lại tiền đặt cọc và thanh toán tiền bồi thường. Lúc này, bị cáo tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là do giấy tờ ngôi nhà số H T đang thế chấp cho Ngân hàng nên cần nhiều thời gian để làm thủ tục rút ra và muốn bà Q đồng hành cùng với bị cáo, bị cáo cam kết nếu không rút được Giấy chứng nhận ngôi nhà số H T ra và bán ngôi nhà này cho bà Q thì bị cáo sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã nhận và bồi thường thêm cho bà Q số tiền 1.000.000.000 đồng, bị cáo còn đưa ra thông tin là trong tháng 4/2022 Phạm Văn Đ sẽ đi Hà Nội để lo “giải chấp” lấy Giấy chứng nhận của ngôi nhà số H đường T ra nên bà Q càng tin tưởng và từ ngày 14/3/2022 đến ngày 04/4/2022 đã đưa cho bị cáo 4.485.000.000 đồng, 1,4 cây vàng SJC và 07 chỉ vàng 97%.

Đối với bị cáo Phạm Văn Đ: Trong tháng 3/2022, bị cáo nghe ông Nguyễn Thái D nói về việc bị cáo L thỏa thuận bán ngôi nhà số H T cho bà Ban Gia Q, nên bị cáo biết rõ bị cáo L không phải chủ sở hữu ngôi nhà số H T, không có khả năng lấy giấy tờ của ngôi nhà này ra khỏi Ngân hàng, mà nhằm mục đích huy động tiền của bà Q

giao cho. Nên vào sáng ngày 05/04/2022, khi bà Q gọi điện thoại cho bị cáo hỏi “Nghe cô L nói chú đi Hà Nội để lo thủ tục lấy giấy tờ căn nhà từ ngân hàng ra phải không?” thì bị cáo trả lời “Dạ! Chị” và nói “Tôi nay em đi”. Sau đó, bà Q nhắn tin cho bị cáo “Em cố gắng nhen em. Chúc em may mắn và thành công”, “Em tình hình có ổn không em, cho chị hay với em. Chị cảm ơn em. Cầu xin ơn trên phù hộ cho chị em mình. A di đà phật” thì bị cáo nhắn tin trả lời “Dạ cuối tuần mới gặp được chị”. Tiếp đến ngày 07/4/2022, bà Q nhắn tin cho bị cáo để hỏi thăm “Em tình hình có ổn không em, cho chị hay với em. Chị cảm ơn em. Cầu xin ơn trên phù hộ cho chị em mình. A di đà phật” thì bị cáo trả lời “Cơ bản ổn chị. E về em gọi chị”, lúc này bà Q hiểu là bị cáo đã làm việc xong với Ngân hàng để “giải chấp” ngôi nhà số H T nên nhắn tin cho bị cáo “Cầu xin mọi việc may mắn và kết quả tốt. A di đà phật”. Đến ngày 09/4/2022, bị cáo nhắn tin cho bà Q: “C (chị) yên tâm, mọi việc theo tiến độ”, bà Q nhắn tin trả lời “Dạ chú C chú khỏe may mắn mọi việc hanh thông”. Nhưng sau đó, bà Q thấy ngôi nhà số H T sửa chữa nên lo lắng và nhắn tin cho bị cáo “Sao mình cũng lo vì mình thấy nó đập phá sửa chữa có bộ rất kỹ, k hiểu sao vậy chú, tui sợ nó lật mình quá chú à. Chú xem lại chỗ này nhen chú” thì bị cáo nhắn tin trả lời “E có kiểm tra thông tin bên ngân hàng rồi chị, bx (bà xã) e nó cũng lo và gọi hỏi suốt. Lo cũng đã 2,3 năm nay rồi. Tới khi mình động tới nó mới rục rịch sửa chữa”, “Nội bộ nó, nó muốn làm gì làm, nó cũng không biết nó còn tài sản bao nhiêu. Nên mình cũng không rỗi lên”. Sau khi nhận tin nhắn của bị cáo thì bà Q hoàn toàn tin tưởng và nhắn tin trả lời: “Dạ chú cơ bản là mình phải cứng. Chú phải mạnh với ông Giám đốc ngân hàng N1 chú, thành công hay không là ở chỗ ông lớn của ngân hàng đó chú, chú phải quan tâm và ưu ái cho ông. Mình là người bị hại mà chú. Chú nên cầu cứu ông giúp. A di đà phật.. xin ơn trên phù hộ cho mình nhen chú. Chúc chú khỏe mạnh”, bị cáo nhắn tin trả lời “E cảm ơn chị, mong cv (công việc) xong sớm”. Bà Q tin tưởng thông tin của Đ đưa ra là thật nên từ ngày 05/4/2022 đến ngày 28/7/2022 đã đưa cho bị cáo L số tiền 2.059.000.000 đồng và 06 cây vàng SJC.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 75/KL-HĐĐGTTHS ngày 26/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Định kết luận như sau: 06 cây (60 chỉ) vàng SJC tại thời điểm ngày 10/12/2021 có giá trị là 367.200.000 đồng; 1,4 cây (14 chỉ) vàng SJC tại thời điểm ngày 31/03/2022 có giá trị là 96.390.000 đồng; 07 chỉ vàng 97% tại thời điểm ngày 03/04/2022, loại vàng nhẫn có giá trị là 38.465.000 đồng; 03 cây (30 chỉ) vàng SJC tại thời điểm ngày 12/04/2022 có giá trị là 208.950.000 đồng; 03 cây (30 chỉ) vàng SJC tại thời điểm ngày 15/04/2022 có giá trị là 208.950.000 đồng. Tổng cộng bị cáo L đã nhận từ bà Ban Gia Q với tổng số tiền 7.463.955.000 đồng, bị cáo L đã trả lại 300.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền

còn lại 7.163.955.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt bị cáo L sử dụng trả nợ vay cho người khác và tiêu xài cá nhân hết.

Về dân sự: Vợ chồng bà Ban Gia Q yêu cầu Võ Thị Kiều L, Phạm Văn Đ bồi thường số tiền 7.163.955.000 đồng, gia đình bị cáo L nộp bồi thường số tiền 50.000.000 đồng và ngày 13/8/2025 bị cáo Đ tiếp tục nộp khắc phục hậu quả cho vợ chồng bà Q 40.000.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0000491 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia lai.

Bản cáo trạng số: 74/CT-VKSBD-P2 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Võ Thị Kiều L, Phạm Văn Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã công bố.

Tại phiên tòa bị hại yêu cầu xét xử các bị cáo và giải quyết phần dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Võ Thị Kiều L, Phạm Văn Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thị Kiều L từ 12 (mười hai) đến 14 (mười bốn) năm tù.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 07 (mười hai) đến 08 (mười bốn) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự, đề nghị buộc các bị cáo Võ Thị Kiều L, Phạm Văn Đ phải bồi thường cho Vợ chồng bà Ban Gia Q, Phạm Xuân H5 7.163.955.000 đồng, trong đó bị cáo L phải bồi thường với số tiền 4.660.055000 đồng, Bị cáo L và bị cáo Đ phải liên đới với số tiền 2.746.900.000 đồng. Tạm giữ số tiền 90.000.000 đồng mà gia đình bị cáo L và bị cáo Đ đã nộp

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự, đê106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone cho Phạm Văn Đ, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án. Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone cho anh Phan Minh V1. Lưu giữ hồ sơ vụ án: 02 USB.

Luật sư Nguyễn Thanh B bào chữa cho bị cáo Võ Thị Kiều L: Không có ý kiến gì về tội danh theo truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo L. Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng, mà có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo với mức hình phạt thấp nhất. Về dân sự: Không có ý kiến gì.

Luật sư Nguyễn Thế V bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Đ. Tuy nhiên, bị cáo Đ chỉ tham gia vụ án với vai trò giúp sức, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo với mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà đại diện VKS yêu cầu.

Lời nói lời sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin lỗi bị hại, xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử (HĐXX) có đủ cơ sở để xác định:

Do cần tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân mà vợ chồng bị cáo Võ Thị Kiều L, Phạm Văn Đ đã có hành vi đưa ra nhiều thông tin gian dối là vợ chồng các bị cáo đang làm thủ tục giải chấp ngôi nhà và quyền sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 62, diện tích 87,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại số H T, TP ., tỉnh Bình Định đang thế chấp cho Ngân hàng V2-Chi nhánh B1 để chuyển nhượng lại cho bà Ban Gia Q, mặc dù khối tài sản này không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng các bị cáo. Tin tưởng thông tin mà vợ chồng bị cáo L, Đ đưa ra là thật nên từ ngày 10/12/2021 đến 28/7/2022 bà Q nhiều lần đưa vàng, tiền cho bị cáo L với tổng số tiền 7.163.955.000 đồng và đã bị vợ chồng bị cáo L, Đ chiếm đoạt số tiền này. Trong đó, bị cáo Đ có hành vi giúp sức cho bị cáo L chiếm đoạt của bà Q với số tiền 2.476.900.000 đồng.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo Võ Thị Kiều L, Phạm Văn Đ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó nên cần xử lý nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội thời gian, tương xứng với tính chất mức độ do hành vi các bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

[4.2] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo L và bị cáo Đ đã nộp bồi thường cho vợ chồng bà Ban Gia Q 90.000.000 đồng; bị cáo Đ trong quá trình công tác được Chủ tịch nước tặng “Huy chương Quân kỳ Quyết thắng”, được Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh B tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến”; bị cáo L được tặng danh hiệu: “Giáo viên dạy giỏi”, “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”, ngoài ra cha của bị cáo L là ông Võ Đình H được Chủ tịch nước tặng “Huân chương kháng chiến hạng ba” nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên các bị cáo được giảm nhẹ một phần hình phạt. Bị cáo Đ tham gia vụ án với vai trò thứ yếu và không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của mình nên được giảm nhẹ hình phạt nhiều hơn bị cáo L.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng bị hại Ban G, ông Phan Xuân H2 yêu cầu vợ chồng bị cáo Võ Thị Kiều L, Phạm Văn Đ bồi thường số tiền bị chiếm đoạt 7.163.955.000 đồng. Các bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên bị cáo Võ Thị Kiều L phải bồi thường cho vợ chồng bà Ban Gia Q, ông Phan Xuân H2 4.660.055.000 đồng, nhưng được trừ vào 50.000.000 đồng khắc phục hậu quả gia đình bị cáo L đã nộp nên còn phải bồi thường 4.610.055.000 đồng. Bị cáo L và bị cáo Đ phải liên đới bồi thường cho vợ chồng bà Ban Gia Q, ông Phan Xuân H2 với số tiền 2.746.900.000 đồng, nhưng được trừ vào 40.000.000 đồng khắc phục hậu quả bị cáo Đ đã nộp nên còn phải bồi thường 2.706.900.000 đồng. Tiếp tục tạm giữ 90.000.000 đồng khắc phục hậu quả nêu trên để đảm bảo cho việc bồi thường cho bị hại.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone của bị cáo Phạm Văn Đ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6.2] Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone cho anh Phan Minh V1.

[6.3] Lưu vào hồ sơ vụ án: 01 USB hiệu KIOXIA có chứa 10 hình ảnh chụp chuyển tiền qua APP Ngân hàng, 02 hình ảnh chụp giấy nhận tiền, 56 hình ảnh chụp từ tin nhắn Zalo; 01 USB có nội dung ghi lại sự việc ngày 24/10/2022 tại nhà bị hại Ban G.

[7] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án, các bị cáo Võ Thị Kiều L, Phạm Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo L phải chịu 112.660.000 đồng, bị cáo Đ phải chịu 86.938.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình và mức hình phạt là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[9] Luận cứ bào chữa cho bị cáo Võ Thị Kiều L, Phạm Văn Đ của Luật sư Nguyễn Thanh B và Nguyễn Thế V là có một phần phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố các Võ Thị Kiều L, Phạm Văn Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 , điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị Kiều L 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/5/2024.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 , điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 07 năm (bảy) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS. Buộc bị cáo Võ Thị Kiều L phải bồi thường cho vợ chồng bà Ban Gia Q, ông Phan Xuân H2 4.660.055.000 đồng 4.610.055.000 đồng. Bị cáo L và bị cáo Phạm Văn Đ phải liên đới bồi thường cho vợ chồng bà Ban Gia Q, ông Phan Xuân H2 2.706.900.000 đồng. Tạm giữ số tiền 90.000.000 đồng mà gia đình bị cáo L và bị cáo Đ đã nộp, theo Giấy nộp tiền số CT-DOC No: 1004250006000089 ngày 10/4/2025 tại Ngân hàng N-Chi nhánh B1

(Phòng G-Kho bạc Nhà nước khu vực XIII) và Biên lai thu tiền số: 0000491 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai để đảm bảo cho việc thi hành án.

**4. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật hình Sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1 Thu giữ 01 điện thoại di động hãng Iphone, hiệu Iphone 13 Promax màu vàng, dung lượng 256GB, số máy: MLF83LLIA, số seri: WR396Q5R4Q, số IMEI: 353510602169360, số IMEI2: 353510602039852 của bị cáo Phạm Văn Đ để đảm bảo cho việc thi hành án.

4.2 Trả lại 01 điện thoại di động hãng Iphone, hiệu Iphone 12 Pro màu vàng, dung lượng 128GB, số máy: MGMM3VNIA, số seri: G6TF72D70Đ0, số IMEI: 355942853166365, số IMEI2: 355942853062630 cho anh Phan Minh V1.

4.3 Lưu vào hồ sơ vụ án: 01 USB hiệu KIOXIA có chứa 10 hình ảnh chụp chuyển tiền qua APP Ngân hàng, 02 hình ảnh chụp giấy nhận tiền, 56 hình ảnh chụp từ tin nhắn Zalo; 01 USB có nội dung ghi lại sự việc ngày 24/10/2022 tại nhà bị hại Ban G.

**5. Về án phí:** Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c, d khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

4.1. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Võ Thị Kiều L, Phạm Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Võ Thị Kiều L phải chịu 12.660.000 đồng . Bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu 86.938.000 đồng.

**6. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS (2015) tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT 1-TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam số 2 CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS&HTTP CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV CA tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Phòng KTNV&THA tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Công Phương**

